

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-9-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Công.  
2. Bà Phan Thị Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nay Ha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm V. T. A**, sinh năm 1976

Bị đơn: Chị **Tào T. H. B**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số 23 Trần Phú, tổ 4, phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G.

*Anh A có mặt tại phiên tòa. Chị B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 12/7/2022; bản tự khai ngày 14/7/2022 nguyên đơn anh A trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 06/8/1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A P, huyện A P, tỉnh G (Nay là phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G). Sau khi kết hôn anh và chị B chung sống với nhau hạnh phúc nhưng vài năm gần đây có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực, chị B thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm anh. Anh có góp ý với chị B nhưng không có kết quả, chị B vẫn tỏ ra coi thường anh dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng sâu sắc hơn. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm M T, sinh ngày 01/01/1997 và Phạm T Q, sinh ngày 17/02/2004. Nay các con đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và cũng không ai nợ tài sản của vợ chồng.

*Tại bản tự khai ngày 15/7/2022, bị đơn chị B trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh A bày là đúng. Quá trình chung sống trước đây thì vợ chồng vẫn hạnh phúc. Thời gian gần đây thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể chung sống được. Anh A yêu cầu giải quyết ly hôn và chị cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Chị B và anh A có 02 con chung là Phạm M T, sinh ngày 01/01/1997 và Phạm T Q, sinh ngày 17/02/2004. Nay các con đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và cũng không ai nợ tài sản của vợ chồng.

#### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa***

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Giải quyết cho anh A ly hôn với chị B.

- *Về con chung*: Anh A và chị B có 02 con chung tên là Phạm M T, sinh ngày 01/01/1997 và Phạm Th Q, sinh ngày 17/02/2004. Hiện các con đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Anh A yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị B. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ cư trú tại: Số 23 T P, tổ 4, phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã

A P, tỉnh G có thẩm quyền giải quyết vụ án. Chị B là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị B tại phiên tòa theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/08/1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A P, huyện A P, tỉnh G (Nay là phường Đ K, thị xã A P, tỉnh G). Theo anh A khai thì vợ chồng có nhiều năm chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do không còn sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Cả anh A và chị B cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải lần thứ nhất, chị B có yêu cầu cần thêm thời gian để suy nghĩ lại. Đến phiên hòa giải lần thứ hai thì chị B vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh A và chị B nhưng không thu thập thêm được thông tin về tình trạng hôn nhân của hai bên do hai bên không đề nghị tổ hòa giải cơ sở hỗ trợ.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh A là có cơ sở. Hiện tại mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Vì vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị B.

## **[3] Về việc nuôi con chung:**

Các con chung của anh A và chị B là Phạm M T, sinh ngày 01/01/1997 và Phạm T Q, sinh ngày 17/02/2004. Hiện tại cả hai đã trưởng thành và tự lập được nên anh A và chị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con là đúng pháp luật.

## **[4] Về tài sản và công nợ chung:**

Các đương sự không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Về án phí:** Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh A.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh A ly hôn với chị B.

2. *Về án phí:* Anh A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010416 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A P, tỉnh G. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung quỹ Nhà nước. (Đã nộp xong).

3. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2022, anh A có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị B vắng mặt có quyền kháng cáo như trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Toàn**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Công      Phan Thị Nhàn**

**Nguyễn Văn Toàn**